

| | |
|--------------------------------|----------------------|
| (Nâng khuyến nghị) | Tăng tỷ trọng |
| Giá mục tiêu (VND) | 52,800 |
| Giá hiện tại (10/03/2026, VND) | 44,750 |
| Lợi nhuận kỳ vọng | +18% |

| | |
|-----------------------------------|--------|
| LNST cổ đông Cty mẹ (26F, tỷ VND) | 4,367 |
| Kỳ vọng thị trường (26F, tỷ VND) | 4,588 |
| Tăng trưởng EPS (26F, %) | -1.3 |
| P/E (25F, %) | 16.0 |
| P/E thị trường (x) | 16.3 |
| VNIndex | 1,808 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 58,549 |
| SLCP đang lưu hành (triệu) | 1,283 |
| % tự do chuyển nhượng (%) | 10.4 |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 58.4 |
| Beta (12T) | 0.7 |
| Thấp nhất 52 tuần (VND) | 41,500 |
| Cao nhất 52 tuần (VND) | 57,100 |

| | | | |
|-----------|-----------|-----------|------------|
| (%) | 1T | 6T | 12T |
| Tuyệt đối | -12.4 | -3.5 | -11.9 |
| Tương đối | -12.1 | -12.0 | -50.5 |



CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Vietnam)

BÙI NGỌC CHÂU

chau.bn@miraeasset.com.vn

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

Giữ vững biên lợi nhuận

Định giá và khuyến nghị

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) là một trong những nhà sản xuất bia dẫn đầu thị trường nội địa, chúng tôi sử dụng phương pháp định giá so sánh để định giá cổ phiếu SAB, bao gồm tỷ lệ P/E trung bình hiện tại của các công ty cùng ngành tương đương và EPS dự phóng năm 2026. Chúng tôi nâng giá mục tiêu cho SAB lên 52,800 đồng (từ 47,600 đồng; đã điều chỉnh cổ tức), tương đương với tỷ lệ P/E là 16.0 (từ 15.0) và nâng khuyến nghị lên Tăng tỷ trọng (từ Nắm giữ).

Bối cảnh vĩ mô và ngành

Các hoạt động quân sự đang diễn ra giữa Mỹ và Israel chống lại Iran đang làm tăng chi phí vận chuyển và nhiên liệu, điều này sẽ đè nặng lên các nhà máy bia Việt Nam phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Cùng với tỷ giá hối đoái không thuận lợi, những yếu tố này có khả năng làm tăng chi phí sản xuất trong nửa đầu năm 2026. Đồng thời, tiêu thụ bia trong nước vẫn yếu, do chi phí sinh hoạt tăng, thị trường việc làm trì trệ và cảnh sát tăng cường thực thi kiểm tra nồng độ cồn khi lái xe.

Cập nhật HĐKD

Doanh thu của SAB giảm mạnh trong Q4 2025, giảm 22.9% CK xuống còn 6,972.9 tỷ đồng. Công ty cho rằng sự sụt giảm mạnh này là do lũ lụt và bão nghiêm trọng trong Q4, cũng như chênh lệch thời điểm nghỉ Tết. Mặc dù ghi nhận sự sụt giảm mạnh doanh thu, chi phí nguyên liệu thô giảm mạnh đã đẩy giá vốn hàng bán giảm 34.1% CK xuống còn 4,242.4 tỷ đồng, cho phép biên lãi gộp tăng đáng kể lên 37.2% (từ mức 27.6% trong Q4 2024). Trong lúc giảm về giá trị, chi phí bán hàng đã tăng theo tỷ trọng doanh thu, lên 19% so với 15.8% Q4 2024. LNHD Q4 tăng 12.1% CK lên 1,393.4 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 1,119.1 tỷ đồng (+12.9% CK). Trong năm 2025, tổng doanh thu SAB giảm 18.4% CK xuống còn 26,249 tỷ đồng, mặc dù LNST vẫn ghi nhận phục hồi, tăng 1.7% CK lên 4,573.1 tỷ đồng.

Dự phóng 2025

Được củng cố bởi mức nền thấp trong Q1 2025 và chênh lệch thời điểm nghỉ Tết, chúng tôi kỳ vọng SAB sẽ ghi nhận tăng trưởng doanh thu trong Q1 2026. Tuy nhiên, những áp lực trong nước dai dẳng dẫn đến tăng trưởng cả năm nhiều khả năng sẽ khiêm tốn, với doanh thu dự kiến ở mức 26,511.5 tỷ đồng (+1.0% CK). Trong khi những bất ổn toàn cầu có khả năng thúc đẩy giá vốn hàng bán tăng trong nửa đầu năm 2026, chúng tôi dự phóng biên lãi gộp năm 2026 sẽ thu hẹp nhẹ xuống còn 35% (từ 35.4% trong năm 2025). Chúng tôi cũng kỳ vọng chi phí quản lý sẽ tăng tương ứng với lạm phát trong nước, mặc dù điều này sẽ được bù đắp một phần bằng chi tiêu tiếp thị được tối ưu hóa. Do đó, chúng tôi dự báo LNHD năm 2026 ở mức 5,656.3 tỷ đồng (+1.9% CK) và LNST ở mức 4,525.1 tỷ đồng (-1% CK). Bên cạnh đó, chúng tôi tin rằng SAB sẽ tiếp tục chia cổ tức tiền mặt cao trong năm nay - khoảng 5.000 đồng/cổ phiếu.

| Năm | 2024 | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 |
|-------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu (tỷ VND) | 32,164 | 26,249 | 26,511 | 26,777 | 27,044 |
| LNHD (Tỷ VND) | 5,677 | 5,553 | 5,656 | 5,555 | 5,534 |
| Biên LNHD (%) | 17.6 | 21.2 | 21.3 | 20.7 | 20.5 |
| LNST CĐ Cty mẹ (tỷ VND) | 4,330 | 4,424 | 4,367 | 4,289 | 4,272 |
| EPS (VND) | 3,291 | 3,347 | 3,303 | 3,243 | 3,231 |
| ROE (%) | 18.0 | 19.3 | 20.6 | 22.3 | 23.6 |
| P/E (x) | 15.2 | 14.6 | 16.0 | 16.3 | 16.3 |
| P/B (x) | 2.7 | 3.0 | 3.6 | 4.0 | 4.1 |

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 1. KQKD và dự phóng (tỷ VND)

| | 2025 | 2024 | % CK | 2026F | Kỳ vọng thị trường | Kế hoạch |
|------------------|---------|----------|--------|----------|--------------------|----------|
| Doanh thu | 26,249 | 32,164.3 | -18.4% | 26,511.5 | 27,689 | NA |
| LNST | 4,573.1 | 4,494.8 | +1.7% | 4,525.1 | 4,588 | NA |

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 2. KQKD thực hiện và kế hoạch (tỷ VND)

| FY | Doanh thu thuần | | | LNST | | |
|--------------|-----------------|-----------|--------------|----------|-----------|--------------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | % Chênh lệch | Kế hoạch | Thực hiện | % Chênh lệch |
| 2021 | 33,491 | 26,374 | -21.3 | 5,289 | 3,929 | -25.7 |
| 2022 | 34,791 | 34,979 | 0.5 | 4,581 | 5,500 | 20.1 |
| 2023 | 40,272 | 30,461 | -24.4 | 5,775 | 4,255 | -26.3 |
| 2024 | 34,397 | 31,872 | -7.3 | 4,580 | 4,495 | -1.9 |
| 2025* | 31,641 | 25,888 | -18.2 | 4,495 | 4,573 | +1.7 |

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

*KQKD chưa kiểm toán

Bảng 3. Phương pháp so sánh

| Tên công ty | Mã CK | P/E hiện tại |
|------------------------------------|-----------|--------------|
| Saigon Beer Alcohol Beverage Corp. | SAB VN | 13.76 |
| Anheuser-Busch InBev SA/NV | ABI BB | 21.81 |
| Heineken NV | HEIA NA | 21.53 |
| Carlsberg AS | CARLB DC | 20.04 |
| Constellation Brands Inc. | STZ US | 13.17 |
| Tsingtao Brewery Co Ltd | 600600 CH | 18.10 |
| Thai Beverage PCL | THBEV SP | 10.73 |
| San Miguel Food and Beverage I | FB PM | 11.06 |
| Carlsberg Brewery Malaysia Bhd. | CAB MK | 13.85 |
| Trung bình | | 16.00 |

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 4. Các giả định chính

| Hoạt động kinh doanh | | VCSH | |
|---|---------|--|---------------|
| Lợi ích cổ đông thiểu số: | 3.5% | Thưởng BLD và quỹ phúc lợi trên LNST Cty mẹ: | 3.0% |
| Tiền và tương đương tiền tối thiểu (tỷ VND): | 4,000 | Tỷ lệ cổ tức cho cổ đông nhỏ lẻ: | 0.0% |
| Thuế suất thuế TNDN: | 20.0% | | |
| Tăng giá bán trung bình hàng năm (%): | 1.0% | | |
| Chi phí | | Khấu hao | |
| Quản lý (2025, lạm phát theo tổng thể, tỷ VND): | 1,000.0 | Phương pháp: | Straight line |
| Giá vốn trên doanh thu trung bình (%): | 65.0% | Tài sản hiện tại: | 7 năm |
| Chi phí bán hàng trên doanh thu trung bình (%): | 15.0% | CAPEX: | 20 năm |

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 5. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản cơ sở

| | | 2026F | 2027F | 2028F | 2029F | 2030F | 2031F | 2032F | 2033F | 2034F | 2035F | 2036F |
|----------------|----------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu | (tỷ VND) | 26,511 | 26,777 | 27,044 | 27,315 | 27,588 | 28,142 | 28,708 | 29,285 | 29,874 | 30,474 | 31,087 |
| LNHĐ | (tỷ VND) | 5,656 | 5,555 | 5,534 | 5,574 | 5,614 | 5,762 | 5,873 | 5,986 | 6,064 | 6,147 | 6,227 |
| Biên LNHĐ | (%) | 21.3 | 20.7 | 20.5 | 20.4 | 20.3 | 20.5 | 20.5 | 20.4 | 20.3 | 20.2 | 20.0 |
| LNTT | (tỷ VND) | 5,656 | 5,555 | 5,534 | 5,574 | 5,614 | 5,762 | 5,873 | 5,986 | 6,064 | 6,147 | 6,227 |
| LNST CĐ Cty mẹ | (tỷ VND) | 4,367 | 4,289 | 4,272 | 4,303 | 4,334 | 4,448 | 4,534 | 4,622 | 4,681 | 4,746 | 4,808 |
| EPS | (tỷ VND) | 3,303 | 3,243 | 3,231 | 3,255 | 3,278 | 3,364 | 3,429 | 3,495 | 3,540 | 3,589 | 3,636 |
| ROE | (%) | 20.6 | 22.3 | 23.6 | 24.0 | 24.3 | 25.1 | 25.5 | 25.8 | 25.9 | 25.9 | 25.8 |
| P/E | (x) | 16.0 | 16.3 | 16.3 | 16.2 | 16.1 | 15.7 | 15.4 | 15.1 | 14.9 | 14.7 | 14.5 |
| P/B | (x) | 3.6 | 4.0 | 4.1 | 4.2 | 4.3 | 4.3 | 4.4 | 4.4 | 4.4 | 4.3 | 4.3 |
| Tổng tài sản | (tỷ VND) | 30,728 | 28,715 | 28,587 | 28,539 | 28,499 | 28,664 | 28,894 | 29,265 | 29,675 | 30,155 | 30,672 |
| VCSH | (tỷ VND) | 20,981 | 18,884 | 18,694 | 18,535 | 18,407 | 18,394 | 18,468 | 18,629 | 18,851 | 19,138 | 19,486 |

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 6. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản lạc quan

| | | 2026F | 2027F | 2028F | 2029F | 2030F | 2031F | 2032F | 2033F | 2034F | 2035F | 2036F |
|----------------|----------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu | (tỷ VND) | 26,777 | 27,315 | 27,864 | 28,424 | 28,995 | 29,871 | 30,773 | 31,702 | 32,660 | 33,646 | 34,662 |
| LNHĐ | (tỷ VND) | 5,709 | 5,678 | 5,732 | 5,853 | 5,979 | 6,223 | 6,438 | 6,664 | 6,862 | 7,077 | 7,298 |
| Biên LNHĐ | (%) | 21.3 | 20.8 | 20.6 | 20.6 | 20.6 | 20.8 | 20.9 | 21.0 | 21.0 | 21.0 | 21.1 |
| LNTT | (tỷ VND) | 5,709 | 5,678 | 5,732 | 5,853 | 5,979 | 6,223 | 6,438 | 6,664 | 6,862 | 7,077 | 7,298 |
| LNST CĐ Cty mẹ | (tỷ VND) | 4,408 | 4,383 | 4,425 | 4,519 | 4,616 | 4,804 | 4,970 | 5,144 | 5,298 | 5,463 | 5,634 |
| EPS | (tỷ VND) | 3,333 | 3,315 | 3,347 | 3,417 | 3,491 | 3,633 | 3,759 | 3,891 | 4,007 | 4,132 | 4,261 |
| ROE | (%) | 20.8 | 22.7 | 24.1 | 24.6 | 25.0 | 25.7 | 26.0 | 26.1 | 25.9 | 25.6 | 25.2 |
| P/E | (x) | 15.8 | 15.9 | 15.8 | 15.5 | 15.1 | 14.5 | 14.0 | 13.6 | 13.2 | 12.8 | 12.4 |
| P/B | (x) | 3.6 | 4.0 | 4.1 | 4.1 | 4.1 | 4.1 | 4.0 | 3.9 | 3.7 | 3.6 | 3.4 |
| Tổng tài sản | (tỷ VND) | 30,854 | 29,025 | 29,140 | 29,402 | 29,741 | 30,367 | 31,142 | 32,155 | 33,303 | 34,628 | 36,104 |
| VCSH | (tỷ VND) | 21,022 | 19,020 | 18,984 | 19,042 | 19,198 | 19,544 | 20,056 | 20,744 | 21,586 | 22,594 | 23,775 |

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 7. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản bi quan

| | | 2026F | 2027F | 2028F | 2029F | 2030F | 2031F | 2032F | 2033F | 2034F | 2035F | 2036F |
|----------------|----------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu | (tỷ VND) | 26,246 | 26,244 | 26,241 | 26,239 | 26,236 | 26,498 | 26,763 | 27,031 | 27,301 | 27,574 | 27,850 |
| LNHĐ | (tỷ VND) | 5,603 | 5,433 | 5,339 | 5,302 | 5,259 | 5,317 | 5,332 | 5,341 | 5,307 | 5,273 | 5,226 |
| Biên LNHĐ | (%) | 21.3 | 20.7 | 20.3 | 20.2 | 20.0 | 20.1 | 19.9 | 19.8 | 19.4 | 19.1 | 18.8 |
| LNTT | (tỷ VND) | 5,603 | 5,433 | 5,339 | 5,302 | 5,259 | 5,317 | 5,332 | 5,341 | 5,307 | 5,273 | 5,226 |
| LNST CĐ Cty mẹ | (tỷ VND) | 4,326 | 4,194 | 4,122 | 4,093 | 4,060 | 4,105 | 4,116 | 4,123 | 4,097 | 4,070 | 4,034 |
| EPS | (tỷ VND) | 3,272 | 3,172 | 3,117 | 3,096 | 3,071 | 3,104 | 3,113 | 3,119 | 3,099 | 3,078 | 3,051 |
| ROE | (%) | 20.4 | 21.9 | 23.0 | 23.3 | 23.6 | 24.4 | 24.9 | 25.5 | 25.9 | 26.3 | 26.8 |
| P/E | (x) | 16.1 | 16.6 | 16.9 | 17.1 | 17.2 | 17.0 | 17.0 | 16.9 | 17.0 | 17.2 | 17.3 |
| P/B | (x) | 3.6 | 4.1 | 4.2 | 4.3 | 4.5 | 4.7 | 4.8 | 5.0 | 5.2 | 5.4 | 5.7 |
| Tổng tài sản | (tỷ VND) | 30,602 | 28,409 | 28,043 | 27,695 | 27,291 | 27,016 | 26,731 | 26,500 | 26,221 | 25,916 | 25,550 |
| VCSH | (tỷ VND) | 20,940 | 18,748 | 18,406 | 18,036 | 17,632 | 17,274 | 16,927 | 16,587 | 16,221 | 15,828 | 15,399 |

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Luận điểm đầu tư, định giá và rủi ro

Luận điểm đầu tư

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) là tập đoàn nước giải khát hàng đầu Việt Nam, có thị phần nội địa lớn thứ hai. Tự hào với lịch sử gần 150 năm, SAB sở hữu một số thương hiệu mạnh, như Saigon Special, 333 và Saigon Lager. Tập đoàn có hệ thống phân phối nội địa rộng khắp thông qua các công ty con trên cả nước. Sau khi thoái vốn Nhà nước vào năm 2018, SAB đã từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động và tỷ suất lợi nhuận của mình. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ lớn và những đối thủ mới tham gia thị trường, SAB vẫn duy trì vị trí thứ hai về thị phần. Tập đoàn cũng đã giới thiệu một số thương hiệu mới như Saigon Chill và Saigon Gold ở phân khúc trung cấp và cao cấp. Chúng tôi tin rằng SAB là một khoản đầu tư vững chắc, do thị phần mạnh và danh mục thương hiệu vững chắc.

Định giá

SAB là một trong những nhà sản xuất bia dẫn đầu nội địa, chúng tôi sử dụng phương pháp định giá so sánh để định giá cổ phiếu của công ty, bao gồm tỷ lệ P/E trung bình hiện tại của các công ty cùng ngành tương đương và EPS dự phóng năm 2026. Chúng tôi nâng giá mục tiêu cho SAB lên 52,800 đồng (từ 47,600 đồng; đã điều chỉnh cổ tức), tương đương với tỷ lệ P/E là 16.0 (từ 15.0) và nâng khuyến nghị lên Tăng tỷ trọng (từ Giữ).

Rủi ro chính

Những rủi ro chính đối với khuyến nghị và định giá của chúng tôi, bao gồm:

- Nhu cầu yếu, do Nghị định 100/2019/NĐ-CP, kết hợp với lạm phát gia tăng
- Thay đổi giá đầu vào
- Cạnh tranh ngày càng tăng trong ngành đồ uống
- Phương án thoái vốn của SCIC

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (HOSE: SAB)

Báo cáo HĐKD (tóm tắt)

| (Tỷ VND) | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu | 26,249.0 | 26,511.5 | 26,776.6 | 27,044.4 |
| Giá vốn hàng bán | -16,587.6 | -17,232.5 | -17,404.8 | -17,578.8 |
| Lãi gộp | 9,300.6 | 9,279.0 | 9,371.8 | 9,465.5 |
| Thu nhập tài chính | 1,006.6 | 1,140.1 | 1,005.9 | 901.4 |
| Chi phí tài chính | -26.3 | -36.1 | -36.1 | -36.1 |
| Thu nhập từ công ty liên kết | 278.3 | 250.0 | 250.0 | 300.0 |
| Chi phí quản lý và bán hàng | -5,005.9 | -4,976.7 | -5,036.5 | -5,097.1 |
| Lợi nhuận hoạt động | 5,553.3 | 5,656.3 | 5,555.1 | 5,533.7 |
| Lợi nhuận khác | 98.7 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| Lợi nhuận trước thuế | 5,652.0 | 5,656.3 | 5,555.1 | 5,533.7 |
| Thuế TNDN | -1,078.8 | -1,131.3 | -1,111.0 | -1,106.7 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4,573.1 | 4,525.1 | 4,444.1 | 4,427.0 |
| LNST Cổ đông công ty mẹ | 4,423.5 | 4,366.7 | 4,288.5 | 4,272.0 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 149.6 | 158.4 | 155.5 | 154.9 |

Bảng cân đối kế toán (tóm tắt)

| (Tỷ VND) | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tiền và tương đương tiền | 19,002.4 | 16,764.7 | 15,022.6 | 15,145.2 |
| Các khoản phải thu | 902.8 | 1,452.7 | 1,467.2 | 1,477.8 |
| Hàng tồn kho | 2,027.4 | 2,124.6 | 2,145.8 | 2,161.3 |
| Tài sản lưu động khác | 208.4 | 217.9 | 220.1 | 221.7 |
| Tài sản ngắn hạn | 22,141.0 | 20,559.8 | 18,855.7 | 19,006.0 |
| Tài sản cố định | 5,448.3 | 5,060.0 | 4,651.6 | 4,223.3 |
| Tài sản đầu tư | 4,194.8 | 4,294.8 | 4,394.8 | 4,544.8 |
| Tài sản dài hạn khác | 813.3 | 813.3 | 813.3 | 813.3 |
| Tài sản dài hạn | 10,456.4 | 10,168.0 | 9,859.7 | 9,581.4 |
| Tổng tài sản | 32,597.4 | 30,727.8 | 28,715.4 | 28,587.4 |
| Các khoản phải trả | 8,381.4 | 8,498.2 | 8,583.2 | 8,645.3 |
| Nợ ngắn hạn | 267.6 | 300.0 | 300.0 | 300.0 |
| Nợ dài hạn | 167.9 | 167.9 | 167.9 | 167.9 |
| Nợ khác | 780.6 | 780.6 | 780.6 | 780.6 |
| Nợ phải trả | 9,597.5 | 9,746.8 | 9,831.8 | 9,893.9 |
| VCSH và các quỹ | 14,105.6 | 14,105.6 | 14,105.6 | 14,105.6 |
| LNST chưa phân phối | 7,047.1 | 4,870.0 | 2,617.1 | 2,272.0 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 1,847.0 | 2,005.4 | 2,161.0 | 2,315.9 |
| Tổng VCSH | 22,999.8 | 20,981.1 | 18,883.7 | 18,693.5 |
| Tổng nguồn vốn | 32,597.4 | 30,727.8 | 28,715.4 | 28,587.4 |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tóm tắt)

| (Tỷ VND) | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế | 4,573.1 | 4,525.1 | 4,444.1 | 4,427.0 |
| Khấu hao | 730.3 | 788.3 | 808.3 | 828.3 |
| Thay đổi vốn lưu động | -38.3 | -539.7 | 47.0 | 34.4 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | -1,273.9 | -250.0 | -250.0 | -300.0 |
| Khác | -87.2 | -131.0 | -128.7 | -128.2 |
| Dòng tiền hoạt động kinh doanh | 3,904.1 | 4,392.7 | 4,920.8 | 4,861.5 |
| Tiền mua TSCĐ và đầu tư vốn | -241.5 | -400.0 | -400.0 | -400.0 |
| Khác | 1,083.8 | 150.0 | 150.0 | 150.0 |
| Dòng tiền hoạt động đầu tư | 842.3 | -250.0 | -250.0 | -250.0 |
| Dòng tiền vay ròng | -275.1 | 32.4 | 0.0 | 0.0 |
| Phát hành/(mua lại) cổ phần | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| Cổ tức tiền | -6,512.7 | -6,412.8 | -6,412.8 | -4,489.0 |
| Dòng tiền hoạt động tài chính | -6,787.7 | -6,380.4 | -6,412.8 | -4,489.0 |
| Lưu chuyển tiền thuần | -2,041.4 | -2,237.7 | -1,742.0 | 122.6 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 21,043.7 | 19,002.4 | 16,764.7 | 15,022.6 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 19,002.4 | 16,764.7 | 15,022.6 | 15,145.2 |

Các chỉ số chính

| | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 |
|------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| P/E (x) | 14.6 | 16.0 | 16.3 | 16.3 |
| P/B (x) | 3.0 | 3.6 | 4.0 | 4.1 |
| EPS (VND) | 3,347 | 3,303 | 3,243 | 3,231 |
| BPS (VND) | 16,493 | 14,795 | 13,039 | 12,769 |
| DPS (VND) | 5,000 | 5,000 | 5,000 | 3,500 |
| Tăng trưởng doanh thu (%) | -18.4 | 1.0 | 1.0 | 1.0 |
| Tăng trưởng LN hoạt động (%) | -2.2 | 1.9 | -1.8 | -0.4 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 2.0 | -1.3 | -1.8 | -0.4 |
| Tỉ suất cổ tức (%) | 9.5 | 9.5 | 9.5 | 6.6 |
| Vòng quay phải thu (x) | 19.3 | 18.3 | 18.3 | 18.3 |
| Vòng quay hàng tồn kho (x) | 8.3 | 8.1 | 8.1 | 8.1 |
| Vòng quay phải trả (x) | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| ROA (%) | 13.9 | 14.3 | 15.0 | 15.5 |
| ROE (%) | 19.3 | 20.6 | 22.3 | 23.6 |
| Khoản phải trả trên VCSH (%) | 36.4 | 40.5 | 45.5 | 46.2 |
| Nợ trên VCSH (%) | 1.9 | 2.2 | 2.5 | 2.5 |
| Tỉ lệ đảm bảo lãi vay (x) | 212.5 | 157.6 | 154.8 | 154.2 |

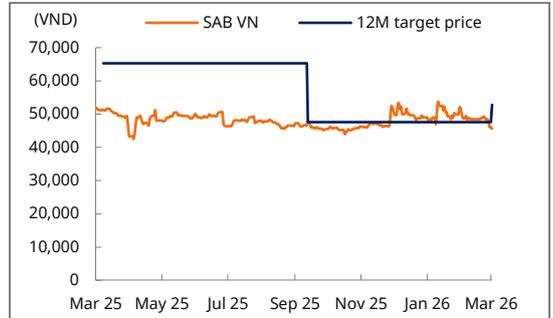
Source: Company data, Mirae Asset Securities Research estimates

Phụ lục

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

| Công ty (mã cổ phiếu) | Ngày | Khuyến nghị | Giá mục tiêu |
|---|------------|---------------|--------------|
| Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | 10/03/2026 | Tăng tỷ trọng | 52,800 |
| Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | 16/09/2025 | Nắm giữ | 47,600 |
| Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | 11/03/2025 | Mua | 65,300 |



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu

- Mua : Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên
- Tăng Tỷ Trọng: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên
- Nắm Giữ : Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%
- Bán : Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành

- Tích Cực : Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
- Trung Tính : Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
- Tiêu Cực : Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu

* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
 * Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
 * Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phán quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia
Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities Mongolia UTsk LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong
Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil
Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road,
Kalina, Santacruz (East), Mumbai - 400098
India

Tel: 91-22-62661336